

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 114/2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2014

THÔNG TƯ**Hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo
Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ
về một số chính sách phát triển thủy sản**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4, khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 67/2014/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các ngân hàng thương mại thực hiện chính sách tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 3. Điều kiện được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất

Các ngân hàng thương mại được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất khi đáp ứng được đầy đủ các điều kiện sau:

1. Thực hiện chính sách tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Các khoản cho vay được cấp bù lãi suất là các khoản cho vay đúng đối tượng, khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- a) Các khoản cho vay trong hạn;
- b) Các khoản cho vay bị rủi ro do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng được cơ cấu lại nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Nguyên nhân khách quan, bất khả kháng bao gồm: tàu bị thiên tai trên biển; tàu bị nước ngoài bắt giữ sau đó trả lại; bị tàu nước ngoài hoặc tàu hải tặc đâm va.

Điều 4. Mức lãi suất cấp bù

1. Mức lãi suất cấp bù cho các ngân hàng thương mại

a) Đối với năm đầu tiên (12 tháng), tính từ ngày ký hợp đồng tín dụng (chủ tàu được miễn lãi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP): Mức lãi suất cấp bù là 7%/năm. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều chỉnh giảm lãi suất cho vay thấp hơn 7%/năm thì mức lãi suất cấp bù là lãi suất cho vay do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố;

b) Đối với năm thứ 2 trở đi của hợp đồng tín dụng, mức lãi suất cấp bù là chênh lệch giữa lãi suất ngân hàng thương mại cho vay và lãi suất chủ tàu phải trả theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều chỉnh giảm lãi suất cho vay thấp hơn 7%/năm thì lãi suất cho vay làm căn cứ cấp bù là lãi suất cho vay do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo cho Bộ Tài chính mức lãi suất cho vay để làm căn cứ cấp bù lãi suất khi điều chỉnh lãi suất cho vay.

Điều 5. Thủ tục cấp bù lãi suất

1. Lập kế hoạch cấp bù lãi suất

a) Các ngân hàng thương mại lập kế hoạch cấp bù lãi suất năm theo công thức sau:

$$\text{Số cấp bù trong năm kế hoạch} = \text{Dư nợ cho vay bình quân năm kế hoạch} \times \text{Mức lãi suất cấp bù năm kế hoạch}$$

Trong đó:

- Dư nợ cho vay bình quân năm kế hoạch được tính theo công thức bình quân số học giữa dư nợ đầu năm và dư nợ cuối năm kế hoạch;

- Mức lãi suất cấp bù năm kế hoạch thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

b) Hàng năm, chậm nhất vào ngày 31/7, các ngân hàng thương mại lập kế hoạch cấp bù lãi suất cả năm kế hoạch (có chia ra từng quý) theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này; gửi Bộ Tài chính (01 bộ), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (01 bộ) và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (01 bộ) để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước;

c) Riêng năm 2014, căn cứ tình hình thực hiện những tháng cuối năm, các ngân hàng thương mại tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính để thực hiện tạm cấp bù lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Tạm cấp bù lãi suất hàng quý

a) Tối đa 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo quý về tình hình thực hiện cho vay và văn bản đề nghị tạm cấp bù lãi suất quý của các ngân hàng thương mại, Bộ Tài chính sẽ thực hiện tạm cấp bù lãi suất;

b) Số tiền tạm cấp bù lãi suất trong quý bằng 95% số tiền cấp bù lãi suất phát sinh quý trước.

3. Quyết toán cấp bù lãi suất

a) Xác định số tiền lãi thực tế trong kỳ đề nghị ngân sách nhà nước cấp bù.

- Số tiền lãi thực tế cấp bù cho một khoản vay được tính theo phương pháp tổng các tích số giữa mức lãi suất cấp bù (chia theo tháng) với dư nợ cho vay tương ứng với số ngày dư nợ thực tế, theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi thực tế cấp bù cho một khoản vay} = \sum_{i=1}^n \text{Mức lãi suất cấp bù tháng } i \times \frac{\text{Tổng các tích số giữa số dư nợ (tương ứng với lãi suất cho vay) với số ngày dư nợ thực tế}}{30 \text{ ngày}}$$

Trong đó: Mức lãi suất cấp bù theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này và được tính theo đơn vị %/tháng; n là số ngày dư nợ trong kỳ được hỗ trợ lãi suất.

- Số tiền được cấp bù là tổng số tiền lãi thực tế cấp bù của tất cả các khoản cho vay thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Các ngân hàng thương mại sử dụng công thức trên để xác định số tiền cấp bù lãi suất hàng năm đề nghị ngân sách nhà nước cấp bù cho ngân hàng.

b) Hồ sơ quyết toán cấp bù lãi suất.

- Báo cáo tổng hợp số liệu đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất của từng khoản cho vay đã được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập hoặc Kiểm toán Nhà nước theo Phụ lục 01/BC đính kèm Thông tư này.

- Công văn đề nghị Bộ Tài chính quyết toán cấp bù lãi suất trong đó số đề nghị quyết toán không vượt quá số liệu đã được cơ quan kiểm toán xác nhận.

- Các tài liệu (bản chính hoặc bản sao do ngân hàng thương mại đóng dấu sao y) bao gồm: hợp đồng tín dụng, khế ước hoặc các giấy tờ tương đương để xác định đối tượng khách hàng vay vốn, tình hình thực hiện cho vay, dư nợ, thu nợ; bảng kê tích số để xác định số tiền cấp bù lãi suất; hợp đồng đóng mới, nâng cấp tàu. Các tài liệu này được ngân hàng thương mại lưu trữ tại trụ sở chính của ngân hàng để phục vụ cho công tác thẩm tra quyết toán trong trường hợp cần thiết.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm về tính hợp lệ và chính xác của hồ sơ quyết toán và số liệu đề nghị ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất.

c) Gửi văn bản đề nghị quyết toán

Chậm nhất trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, các ngân hàng thương mại phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ quyết toán và gửi Bộ Tài chính công văn đề nghị quyết toán, báo cáo tổng hợp số liệu đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

4. Thẩm tra số liệu đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất

a) Thực hiện thẩm tra số liệu đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất

Bộ Tài chính tiến hành thẩm tra số liệu đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất của các ngân hàng trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất của các ngân hàng thương mại và các ngân hàng thương mại chuẩn bị đầy đủ hồ sơ quyết toán theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

b) Xử lý chênh lệch số liệu.

- Trường hợp có sự chênh lệch giữa số đề nghị quyết toán và số thẩm tra quyết toán của Bộ Tài chính thì các ngân hàng thương mại thực hiện điều chỉnh trên sổ sách kế toán số quyết toán cấp bù lãi suất theo số liệu đã được Bộ Tài chính thẩm tra.

- Việc xử lý chênh lệch giữa số thẩm tra quyết toán và số đề nghị quyết toán được thực hiện trong thời gian 45 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính ra thông báo duyệt quyết toán.

- Trường hợp phải kéo dài thời gian xử lý chênh lệch giữa số thẩm tra quyết toán và số đề nghị quyết toán và các trường hợp đặc biệt khác sẽ do Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

- Trường hợp số ngân sách nhà nước đã tạm cấp bù lãi suất cho ngân hàng cao hơn số thẩm tra quyết toán của Bộ Tài chính thì số chênh lệch sẽ được Bộ Tài chính chuyển thành số tạm cấp của năm sau hoặc thu hồi nộp ngân sách nhà nước.